

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH
LIÊN SỞ XÂY DỰNG - TÀI CHÍNH

CÔNG BỐ

**GIÁ VẬT LIỆU THÁNG 7 NĂM 2023 ĐẾN HIỆN TRƯỜNG XÂY DỰNG
KHU VỰC TRUNG TÂM THÀNH PHỐ VÀ CÁC HUYỆN**
(Số 07/2023/CBLS-XD-TC ngày 15 tháng 8 năm 2023)

Bắc Ninh, tháng 8 năm 2023

UBND TỈNH BẮC NINH
LIÊN SỞ XÂY DỰNG-TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 07/2023/CBLS-XD-TC

Bắc Ninh, ngày 15 tháng 8 năm 2023

CÔNG BỐ

Giá vật liệu xây dựng tháng 7 năm 2023 đến hiện trường xây dựng khu vực trung tâm thành phố và các huyện

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014, Luật Xây dựng sửa đổi, bổ sung số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Giá số 11/2012/QH13 ngày 20/6/2012;

Căn cứ Nghị định số 09/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về Quản lý vật liệu xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về Quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng về hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 39/2015/QĐ-UBND ngày 17/12/2015 của UBND tỉnh Bắc Ninh về việc ban hành Quy định phân công trách nhiệm quản lý Nhà nước trong lĩnh vực giá áp dụng trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh;

Sau khi khảo sát thị trường, thống nhất ý kiến của các thành viên Tổ công tác xây dựng Công bố giá vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh, Liên sở Xây dựng - Tài chính công bố giá vật liệu xây dựng đến hiện trường khu vực trung tâm thành phố, thị xã và các huyện tháng 7 năm 2023 để các chủ đầu tư, cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan tham khảo trong việc lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình theo quy định.

I. Nội dung công bố giá vật liệu xây dựng

1. Một số loại vật liệu chủ yếu (Chi tiết kèm theo phụ lục 1)

1.1. Cơ sở xác định giá vật liệu xây dựng

Giá vật liệu xây dựng trong bảng công bố được xác định trên cơ sở khảo sát mặt bằng giá trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh tại thời điểm; báo giá của các đơn vị sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng trong và ngoài tỉnh, mức giá công bố đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình tại trung tâm thành phố, thị xã các huyện.

Giá VLXD tại trung tâm các huyện, thị xã và thành phố Từ Sơn đã tính với bán kính 2km, trung tâm thành phố Bắc Ninh đã tính với bán kính 3km.

1.2. Nguyên tắc xác định trung tâm các huyện và thành phố

Thành phố Bắc Ninh: Ngã sáu giao đường Lý Thái Tổ và đường Trần Hưng Đạo (QL18) làm trung tâm.

Thành phố Từ Sơn: Ngã tư giao đường Tỉnh lộ 295B (QL1A cũ) và đường Lý Thái Tổ làm trung tâm (cạnh Bưu điện Từ Sơn).

Huyện Tiên Du: Ngã tư giao đường Tỉnh lộ 295B (QL1A cũ) và đường Nguyễn Đăng Đạo (Tỉnh lộ 270) làm trung tâm (cạnh Bưu điện Tiên Du).

Huyện Yên Phong: Ngã tư giao đường Tỉnh lộ 286 và Tỉnh lộ 295 làm trung tâm.

Thị xã Quế Võ: Ngã tư giao đường QL18 và Tỉnh lộ 279 làm trung tâm (cạnh Bưu điện Quế Võ).

Thị xã Thuận Thành: Ngã tư giao đường QL38 và QL17 làm trung tâm.

Huyện Gia Bình: Ngã tư giao đường QL17 và Tỉnh lộ 280 làm trung tâm.

Huyện Lương Tài: Ngã tư giao đường Tỉnh lộ 280, Tỉnh lộ 281 và Tỉnh lộ 284 làm trung tâm (cạnh Hồ nước).

2. Thông tin giá của các đơn vị sản xuất, kinh doanh vật tư, vật liệu xây dựng

2.1. Bảng giá các doanh nghiệp (chi tiết kèm theo phụ lục 2)

Nhóm 1. Xi măng

1.1. Công ty TNHH TNC: Theo văn bản số 03/BG-TNC ngày 01/7/2023 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 7/2023 (Quý III/2023).

1.2. Công ty xây dựng Hoàng Hải (TNHH): Theo văn bản số 03.23/BG-HH ngày 10/7/2023 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 7/2023 (Quý III/2023).

Nhóm 2. Gạch nung, gạch không nung

2.1. Công ty xây dựng Đồng Nguyên (TNHH): Theo văn bản số 03/BG-ĐN ngày 01/7/2023 về việc giá vật tư, vật liệu xây dựng để đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 7/2023 (Quý III/2023).

2.2. Công ty Quang Long (TNHH): Theo văn bản số 03/BG-QL ngày 01/7/2023 về việc giá vật tư, vật liệu xây dựng để đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 7/2023 (Quý III/2023).

2.3. Công ty Cổ phần sông cầu Hà Bắc: Theo văn bản số 03/SCHB ngày 10/7/2023 về việc giá vật tư, vật liệu để đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 7/2023 (Quý III/2023).

2.4. Công ty TNHH sản xuất gạch bê tông Bắc Ninh: Theo văn bản số 0723/CV-BN ngày 01/7/2023 về việc giá vật tư, vật liệu để đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 7/2023 (Quý III/2023).

2.5. Công ty Cổ phần gạch Đại Kim: Theo văn bản số 07/2023.SXD ngày 10/7/2023 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 7/2023 (Quý III/2023).

2.6. Công ty TNHH bê tông cường độ cao: Theo văn bản số 03/2023/HSC-CBG ngày 19/7/2023 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 7/2023 (Quý III/2023).

2.7. Công ty TNHH vật liệu xây dựng Hoàn Sơn: Theo văn bản số 20/2023-VLXDHS ngày 04/7/2023 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 7/2023 (Quý III/2023).

2.8. Công ty TNHH vật liệu xây dựng không nung Thuận Thành: Theo văn bản số 06/KNTT ngày 10/7/2023 về việc giá vật tư, vật liệu xây dựng để đăng ký

niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 7/2023 (Quý III/2023).

2.9. Công ty thương mại và xây dựng Đức Việt (TNHH): Theo văn bản số 02/CV-DV ngày 10/4/2023 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 4/2023 (Quý II/2023).

2.10. Công ty Cổ phần VLXD Minh Đạo: Theo văn bản số 08/BG-MĐ ngày 03/4/2023 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 4/2023 (Quý II/2023).

2.11. Công ty Cổ phần Gạch công nghệ mới: Theo văn bản số 08/CNM ngày 10/7/2023 về việc giá vật tư, vật liệu xây dựng để đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 7/2023 (Quý III/2023).

Nhóm 3. Vật liệu ốp lát

3.1. Công ty TNHH Thanh Thanh Tùng: Theo văn bản số 100723/CV-ĐG ngày 10/7/2023 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 7/2023 (Quý III/2023).

3.2. Công ty Cổ phần kinh doanh gạch ốp lát Viglacera: Theo văn bản số 498/VIKD-DA ngày 13/7/2023 về việc giá vật tư, vật liệu để đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh (Quý III-2023).

3.3. Công ty Cổ phần Catalan: Theo văn bản số 231/CV-CTL ngày 06/7/2023 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 7/2023 (Quý III/2023).

3.4. Công ty TNHH Sản xuất và thương mại Ý Gia: Theo văn bản số 0716/YG ngày 16/7/2023 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 7/2023 (Quý III/2023).

3.5. Công ty TNHH Thạch Bàn: Theo văn bản số 52A/2023/CV-TBI/DA ngày 01/7/2023 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 7/2023 (Quý III/2023).

Nhóm 4. Vật liệu lợp

4.1. Công ty Cổ phần Austnam: Theo văn bản số 03/2023/CV/KDNĐ ngày 05/7/2023 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 7/2023 (Quý III/2023).

4.2. Công ty TNHH Libati: Theo văn bản số 310323/BG-LIBATI ngày 31/3/2023 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 4/2023 (Quý II/2023).

4.3. Công ty Cổ phần tôn mạ VNSTEEL Thăng Long: Theo văn bản số 2704/CV ngày 01/4/2023 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 4/2023 (Quý II/2023).

Nhóm 5. Cửa các loại và trần nhà

5.1. Công ty TNHH Hải Hà VINA: Theo văn bản số 03/BG-HHVN ngày 05/7/2023 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 7/2023 (Quý III/2023).

5.2. Công ty TNHH đồ gỗ PLC: Theo văn bản số 03/2023/BG-PLC ngày 12/7/2023 về việc đề nghị niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh Quý III/2023.

5.3. Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng VENZA: Theo văn bản số 01072023/VENZA-SXD ngày 10/7/2023 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 7/2023 (Quý III/2023).

5.4. Công ty TNHH thiết bị Bảo Minh An: Theo văn bản số 427/CV ngày 05/7/2023 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 7/2023 (Quý III/2023).

5.5. Công ty Ngọc Hùng (TNHH): Theo văn bản số 05/CV-NH ngày 05/7/2023 về việc báo giá sản phẩm vật liệu xây dựng để đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh Quý III/2023.

5.6. Công ty TNHH sản xuất và xây dựng Trung Hiếu: Theo văn bản số 03.2023/BG-TH ngày 05/7/2023 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 7/2023 (Quý III/2023).

5.7. Công ty Cổ phần cơ khí Đông Anh Licogi: Theo văn bản số 1907/CKDA/SXD ngày 19/7/2023 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 7/2023 (Quý III/2023).

5.8. Công ty Cổ phần nhôm Việt Pháp: Theo văn bản số 06/2023/CV-NVP ngày 03/7/2023 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 7/2023 (Quý III/2023).

5.9. Công ty TNHH thương mại và đầu tư NTG: Theo văn bản số 16/CV-NTG ngày 10/7/2023 về việc báo giá sản phẩm VLXD để đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính tháng 7/2023 (Quý III/2023).

5.10. Công ty TNHH TD Door: Theo văn bản số 03/CV ngày 10/7/2023 về việc báo giá sản phẩm VLXD để đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính tháng 7/2023 (Quý III/2023).

Nhóm 6. Sơn, bột bả các loại

6.1. Công ty Cổ phần công nghệ Tincom Quốc Tế: Theo văn bản số 62/TC-VP ngày 13/7/2023 về việc giá vật tư, vật liệu xây dựng để đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 7/2022 (Quý III/2023).

6.2. Công ty Cổ phần Sơn Jymec Việt Nam: Theo văn bản số 1507/JM-SXDBN ngày 10/7/2023 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 7/2023 (Quý III/2023).

6.3. Công ty Cổ phần tập đoàn Sơn công nghệ cao Nano Delux: Theo văn bản số 03.2023/TBG-BN ngày 10/7/2023 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 7/2023 (Quý III/2023).

6.4. Công ty Cổ phần Sơn Newcolor Việt Nam: Theo văn bản số 022023/TBG-NCL ngày 01/4/2023 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 4/2023 (Quý II/2023).

6.5. Công ty Cổ phần Sơn Pantone Việt Nam: Theo văn bản số 10723/CV-PT ngày 10/7/2023 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 7/2023 (Quý III/2023).

6.6. Công ty TNHH liên doanh Sơn Pretty: Theo văn bản số 06/2023-SPT ngày 05/7/2023 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 7/2023 (Quý III/2023).

6.7. Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng VENZA: Theo văn bản số 02072023/VENRA-SXD ngày 10/7/2023 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 7/2023 (Quý III/2023).

6.8. Công ty Cổ phần thương mại sản xuất quốc tế NANOZTO: Theo văn bản số 012023/TB-NCL ngày 10/7/2023 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 7/2023 (Quý III/2023).

6.9. Công ty TNHH Sơn Ronspec: Theo văn bản số 052031/RONSPEC ngày 01/7/2023 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 7/2023 (Quý III/2023).

6.10. Công ty Cổ phần Sơn Nano Shield Việt Nam: Theo văn bản số 03.23/BG-NANO SHIELD ngày 10/7/2023 về việc đề nghị đăng giá Sơn Nano Shield trên Công bố giá liên Sở Xây dựng-Tài chính tỉnh Bắc Ninh tháng 7/2023 (Quý III/2023).

6.11. Công ty Cổ phần tập đoàn Thành Thắng: Theo văn bản số 345/BG-TĐTT ngày 10/7/2023 về việc giá vật tư, vật liệu xây dựng để đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 7/2023 (Quý III/2023).

6.12. Công ty TNHH Hải Quân: Theo văn bản số 03.2023/TB-HQ ngày 10/7/2023 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 7/2023 (Quý III/2023).

6.13. Công ty TNHH tập đoàn Thăng Phát: Theo văn bản số 03/2023 ngày 01/7/2023 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 7/2023 (Quý III/2023).

6.14. Công ty Cổ phần đầu tư công nghệ sơn Apex Việt Nam: Theo văn bản số 0100/2023 ngày 10/4/2023 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 4/2023 (Quý II/2023).

6.15. Công ty Cổ phần ST Quốc Tế: Theo văn bản số 03/BG-STQT ngày 01/7/2023 về việc thông tin giá vật tư, vật liệu xây dựng để đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh Quý III/2023.

6.16. Công ty Cổ phần liên danh Lebeus Group: Theo văn bản số 38/2023 ngày 01/7/2023 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 7/2023 (Quý III/2023).

6.17. Công ty Cổ phần Tenno Group: Theo văn bản số 07/2023 ngày 10/7/2023 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 7/2023.

6.18. Công ty Cổ phần thương mại và dịch vụ Thế Gia: Theo văn bản số 0107/2023 ngày 01/7/2023 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 7/2023 (Quý III/2023).

6.19. Công ty cổ phần sơn VINAECO: Theo văn bản số 130/VINAECO-SXDBN ngày 01/4/2023 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 4/2023 (Quý II/2023).

6.20. Công ty cổ phần sơn Maxxs Việt Nam: Theo văn bản số 39/2023 ngày 10/7/2023 về việc đăng ký niêm yết giá Sơn Maxxs tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 7/2023 (Quý III/2023).

6.21. Chi nhánh Công ty cổ phần L.Q Joton tại Hải Dương: Theo văn bản số 02/2023 ngày 10/7/2023 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 7/2023 (Quý III/2023).

Nhóm 7. Dây, cáp, thiết bị điện và phụ kiện

7.1. Công ty Cổ phần cơ điện Trần Phú: Theo văn bản số 30/TP-NYVL ngày 10/7/2023 về việc thông tin giá vật tư, vật liệu xây dựng để đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 7/2023 (Quý III/2023).

7.2. Công ty Cổ phần Slighting Việt Nam: Theo văn bản số 42/CV-SLI ngày 10/7/2023 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 7/2023 (Quý III/2023).

7.3. Công ty Cổ phần điện và chiếu sáng Phú Thắng: Theo văn bản số 06/SXD-PT ngày 07/7/2023 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 7/2023 (Quý III/2023).

7.4. Công ty Cổ phần chiếu sáng đô thị Hoàng Phát: Theo văn bản số 0707/CV/2023 ngày 07/7/2023 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 7/2023 (Quý III/2023).

7.5. Công ty Cổ phần điện và chiếu sáng Phương Đông: Theo văn bản số 715.2023/PĐ ngày 15/7/2023 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 7/2023 (Quý III/2023).

7.6. Công ty Cổ phần chiếu sáng đô thị Hoàng Gia: Theo văn bản số 168/2023 ngày 01/7/2023 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 7/2023 (Quý III/2023).

7.7. Công ty Cổ phần chiếu sáng đô thị Thiên Long: Theo văn bản số 62/2023 ngày 01/7/2023 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 7/2023 (Quý III/2023).

7.8. Công ty Cổ phần Winco Việt Nam: Theo văn bản số 03/WINCO-CV ngày 05/7/2023 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 7/2023 (Quý III/2023).

7.9. Công ty TNHH thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc: Theo văn bản số 230711/MB ngày 11/7/2023 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 7/2023 (Quý III/2023).

7.10. Công ty Cổ phần đầu tư kinh doanh Nhật Quang: Theo văn bản số 202/NQ/2023 ngày 10/7/2023 về việc thông tin giá vật tư, vật liệu xây dựng để đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh Quý III/2023.

7.11. Công ty TNHH Vonta Việt Nam: Theo văn bản số 0107/CV/2023 ngày 01/7/2023 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 7/2023 (Quý III/2023).

7.12. Công ty Cổ phần đầu tư và thiết bị SK Việt Nam: Theo văn bản số 03/SXD-SKVN ngày 19/7/2023 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 7/2023 (Quý III/2023).

7.13. Công ty Cổ phần Đông Giang: Theo văn bản số 57/2023 CV-ĐG ngày 05/7/2023 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 7/2023 (Quý III/2023).

7.14. Công ty Cổ phần tập đoàn Hanaka: Theo văn bản số 185/2023/CV-HNK-KD ngày 18/7/2023 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 7/2023 (Quý III/2023).

7.15. Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Thượng Đình: Theo văn bản số 407/CDS ngày 04/7/2023 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 7/2023 (Quý III/2023).

7.16. Công ty Cổ phần Dây Cáp Điện Việt Nam: Theo văn bản số 268/CV-KDDA ngày 01/7/2023 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 7/2023 (Quý III/2023).

Nhóm 8. Phòng cháy, chữa cháy

8.1. Công ty Cổ phần phát triển thương mại và xây lắp Bình Minh: Theo văn bản số 0701/CVBM ngày 01/7/2023 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 7/2023 (Quý III/2023).

Nhóm 9. Ống nước, thiết bị vệ sinh và phụ kiện

9.1. Công ty Cổ phần nhựa thiếu niên Tiến Phong: Theo văn bản số 38/NTP-PTTT1 ngày 12/7/2023 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 7/2023 (Quý III/2023).

9.2. Công ty Cổ phần ASIA Kinh Bắc: Theo văn bản số 03/BG-ASIA ngày 01/7/2023 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 7/2023 (Quý III/2023).

9.3. Công ty TNHH thiết bị và vật tư ngành nước Hà Nội: Theo văn bản số 0701/NHN ngày 01/7/2023 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 7/2023 (Quý III/2023).

9.4. Công ty Cổ phần Santo: Theo văn bản số 03/23/CV-ST ngày 01/7/2023 về việc giá vật tư, vật liệu xây dựng để đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 7/2023 (Quý III/2022).

9.5. Công ty Cổ phần Visuco: Theo văn bản số 01.07/2023/VISUCO ngày 01/7/2023 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 7/2023 (Quý III/2023).

Nhóm 10. Cấu kiện bê tông đúc sẵn, bê tông thương phẩm

10.1. Công ty TNHH Đất Việt: Theo văn bản số 03/2023 ngày 03/7/2023 về việc báo giá sản phẩm vật liệu xây dựng đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 7/2023 (Quý III/2023).

10.2. Công ty TNHH xây dựng Đại An: Theo văn bản số 03/07/2023/CV-ĐA ngày 21/7/2023 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 7/2023 (Quý III/2023).

10.3. Công ty TNHH thương mại và xây dựng Phạm Đình: Theo văn bản số 03/2023-PD ngày 04/7/2023 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh Quý III/2023.

10.4. Công ty Cổ phần AVIA: Theo văn bản số 0107/2023 ngày 01/7/2023 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 7/2023 (Quý III/2023).

10.5. Công ty Cổ phần xây dựng Vũ Hùng: Theo văn bản số 03/2023-VH ngày 04/7/2023 về việc thông tin giá vật tư, vật liệu xây dựng để đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 7/2023 (Quý III/2023).

10.6. Công ty TNHH một thành viên 17 (Tổng Công ty xây dựng Trường Sơn): Theo văn bản số 505/CV-CT ngày 10/7/2023 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 7/2023 (Quý III/2023).

10.7. Công ty TNHH sản xuất thương mại xây dựng Ngân Hà: Theo văn bản số 03/2023 ngày 10/7/2023 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 7/2023 (Quý III/2023).

10.8. Công ty TNHH Khánh Trang: Theo văn bản số 08/2023 ngày 10/7/2023 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 7/2023 (Quý III/2023).

10.9. Công ty Cổ phần xây dựng Sài Gòn - Kinh Bắc: Theo văn bản số 10072023/CVSKB ngày 10/7/2023 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 7/2023 (Quý III/2023).

2.2. Một số lưu ý khi sử dụng thông tin giá vật tư, vật liệu xây dựng.

a) Về thông tin giá:

Giá các loại vật tư, vật liệu công bố nêu trên được xác định và công bố theo giá niêm yết do các đơn vị sản xuất, kinh doanh cung cấp để chủ đầu tư, các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan tham khảo; chưa loại trừ các khoản chiết khấu, ưu đãi (nếu có) của các đơn vị sản xuất kinh doanh.

b) Yêu cầu đối với các đơn vị, doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh niêm yết, công bố:

Thực hiện đầy đủ các nội dung theo Hướng dẫn số 09/HD-SXD ngày 24/9/2021 của Sở Xây dựng Bắc Ninh về việc hướng dẫn đăng ký niêm yết giá vào Bảng công bố giá vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của các hồ sơ, tài liệu gửi liên Sở Xây dựng - Tài chính Bắc Ninh và mức giá mà đơn vị đã niêm yết, công bố; có trách nhiệm thông tin, công bố kịp thời khi thay đổi giá bán, chất lượng sản phẩm cho liên Sở.

Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh theo quy định pháp luật về hoạt động doanh nghiệp, thương mại, giá, quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn, chất lượng sản phẩm, hàng hóa và các quy định khác có liên quan. Không vi phạm các hành vi bị cấm trong hoạt động sản xuất và kinh doanh sản phẩm, hàng hóa theo quy định pháp luật.

c) Yêu cầu đối với các cơ quan, đơn vị tham khảo, áp dụng công bố:

Khi áp dụng giá vật tư, vật liệu trong thông tin giá này yêu cầu doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh cung cấp hồ sơ chất lượng và giá vật tư, vật liệu tại thời điểm đảm bảo phù hợp với mặt bằng thị trường, chống thất thoát, lãng phí, hoàn toàn chịu trách nhiệm về những sản phẩm, vật tư, vật liệu khi áp dụng.

Khuyến khích lựa chọn vật tư, vật liệu xây dựng tiết kiệm tài nguyên khoáng sản, tiết kiệm năng lượng, thân thiện môi trường và có giá thành thấp.

II. Hướng dẫn tham khảo hoặc vận dụng giá vật liệu xây dựng trong công bố

Giá vật liệu xây dựng kèm theo công bố này là loại vật liệu phổ biến trong xây dựng công trình làm cơ sở tham khảo cho việc lập đơn giá xây dựng công trình. Giá những loại vật tư, vật liệu xây dựng có trong công bố tại khu vực thành phố Bắc Ninh mà các huyện, thành phố Từ Sơn không có thì có thể tham khảo ở thành phố Bắc Ninh.

Một số vật liệu không có trong công bố giá của liên Sở hoặc trường hợp giá vật tư, vật liệu xây dựng tại thời điểm lập dự toán, lập giá gói thầu có biến động (tăng hoặc giảm) so với giá công bố thì chủ đầu tư, các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan tự tổ chức khảo sát, xác định và quyết định giá vật liệu khi lập dự toán, quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình đảm bảo phù hợp với yêu cầu của từng công trình đảm bảo theo quy định của pháp luật về Quản lý chi phí đầu tư xây dựng và các quy định pháp luật liên quan, đồng thời kịp thời phản ánh thông tin về Sở Xây dựng và Sở Tài chính để cập nhật dữ liệu.

Chủ đầu tư, các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan khi sử dụng giá vật tư, vật liệu trong công bố giá này để lập, thẩm tra, thẩm định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng cần căn cứ vào thời điểm, địa điểm công trình, địa điểm cung cấp vật tư, khối lượng vật liệu sử dụng, mục tiêu đầu tư, tính chất công trình, yêu cầu thiết kế và quy định quản lý chất lượng công trình để xem xét, lựa chọn loại vật tư, vật liệu hợp lý, xác định giá vật tư, vật liệu phù hợp với mặt bằng thị trường, đảm bảo mục tiêu đầu tư, chống thất thoát lãng phí và hoàn toàn chịu trách nhiệm khi sử dụng giá vật tư, vật liệu trong công bố giá này.

Chủ đầu tư, các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan khi sử dụng thông tin giá theo công bố này phải chịu trách nhiệm quản lý chi phí đầu tư theo Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về Quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng về hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng và thực hiện đúng các quy định hiện hành./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (b/c);
- Bộ Xây dựng (b/c);
- Các Sở ngành liên quan;
- UBND các huyện, thị xã và thành phố;
- Giám đốc và các Phó giám đốc Sở XD, Sở TC;
- Công TTĐT Sở XD;
- Lưu: VT, KT&VLXD, QLGD, Nnh.

SỞ TÀI CHÍNH
KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Đình Huân

SỞ XÂY DỰNG
KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Xuân Đoàn

PHỤ LỤC 1

BẢNG GIÁ VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐẾN HIỆN TRƯỜNG XÂY DỰNG KHU VỰC THÀNH PHỐ BẮC NINH

Từ ngày 01 tháng 7 năm 2023 - Mức giá chưa bao gồm VAT
(Kèm theo Công bố số 07/2023/CBLS-XD-TC ngày 15/8/2023 của Liên Sở Xây dựng-Tài chính)

Số TT	Danh mục vật liệu xây dựng		Đơn vị tính	Đơn giá (đồng)	Tiêu chuẩn kỹ thuật
	1	Cát xây dựng			
1		Cát mịn (ML=0,7-1,4mm)	m ³	181.915	QCVN16: 2019/BXD
2		Cát mịn (ML=1,5-2mm)	m ³	191.915	
3		Cát vàng ML>2mm	m ³	451.915	
4		Cát san nền	m ³	171.915	
	2	Đá dăm xây dựng			
5		Đá dăm xanh 1 x 2 (đá chọn)	m ³	309.164	QCVN16: 2019/BXD
6		Đá dăm xanh 2 x 4 (đá chọn)	m ³	299.164	
7		Đá dăm xanh 4 x 6 (đá chọn)	m ³	289.164	
8		Đá dăm cấp phối loại I	m ³	269.164	
9		Đá dăm cấp phối loại II	m ³	259.164	
10		Đá dăm 0,5x1	m ³	239.164	
11		Đá mặt	m ³	211.915	
	3	Xăng, dầu			
		<i>Từ ngày 03/7/2023</i>			
12		Xăng RON95-III	lít	19.473	
13		Xăng sinh học E5 RON92-II	lít	18.609	
14		Diezen 0,05S-II	lít	16.509	
15		Dầu hoả 2-k	lít	16.291	
16		Dầu mazut No2B (3,5S)	kg	13.291	
		<i>Từ ngày 11/7/2023</i>			
17		Xăng RON95-III	lít	19.536	
18		Xăng sinh học E5 RON92-II	lít	18.555	
19		Diezen 0,05S-II	lít	16.918	

20		Dầu hoả 2-k	lít	16.655	
21		Dầu mazut No2B (3,5S)	kg	13.891	
		Từ ngày 21/7/2023			
22		Xăng RON95-III	lít	20.718	
23		Xăng sinh học E5 RON92-II	lít	19.664	
24		Diezen 0,05S-II	lít	17.727	
25		Dầu hoả 2-k	lít	17.436	
26		Dầu mazut No2B (3,5S)	kg	14.291	
	4	Sắt, thép			
		I - Thép Thái Nguyên			
		Thép tròn cuộn, thép cây			
27		Thép tròn trơn D6, D8 cuộn CT3, CB240-T.	kg	14.504	
28		Thép tròn vằn D8 cuộn SD295A, CB300-V	kg	14.504	
29		Thép tròn vằn D9 cây L=11,7m SD295A, CB300-V	kg	15.054	
30		Thép tròn vằn D10 cuộn CT5, SD295A, CB300-V	kg	14.554	
31		Thép tròn vằn D10 cây L=11,7m CT5, SD295A, CB300-V	kg	14.954	
32		Thép tròn vằn D12 cây L=11,7m CT5, SD295A, CB300-V	kg	14.804	
33		Thép tròn vằn D14÷D40 cây L=11,7m CT5, SD295A, CB300-V	kg	14.754	
34		Thép vằn D10 cây CB400-V, CB500-V	kg	14.954	
35		Thép vằn D12 cây L=11,7m, CB400-V, CB500-V	kg	14.804	
36		Thép vằn D14÷D40 cây L=11,7m, CB400-V, CB500-V	kg	14.754	
		Thép hình các loại			
37		Thép góc L40 SS400, CT38, CT42 L=6m, 9m, 12m	kg	16.054	
38		Thép góc L50 SS400, CT38, CT42 L=6m, 9m, 12m	kg	15.954	
39		Thép góc L60 SS400, CT38, CT42 L=6m, 9m, 12m	kg	15.954	
40		Thép góc L63÷L65 SS400, CT38, CT42 L=6m, 9m, 12m	kg	15.904	

QCVN07:
2019/BKHCN

QCVN07:
2019/BKHCN

41		Thép góc L70÷L80 SS400, CT38, CT42, L=6m, 9m, 12m	kg	15.954	QCVN07: 2019/BKHCN
42		Thép góc L90 SS400, CT38, CT42, L=6m, 9m, 12m	kg	15.904	
43		Thép góc L100 SS400, CT38, CT42, L=6m, 9m, 12m	kg	15.904	
44		Thép góc L120÷L130 SS400, CT38, CT42, L=6m, 9m, 12m	kg	17.804	
45		Thép góc L150, SS400, L=6m, 9m, 12m	kg	18.054	
46		Thép góc L100 SS540, L=6m, 9m, 12m	kg	17.954	
47		Thép góc L120÷L130 SS540, L=6m, 9m, 12m	kg	18.254	
48		Thép góc L150 SS540, L=6m, 9m, 12m	kg	18.654	
49		Thép C8÷C10 SS400, CT38, CT42, L=6m, 9m, 12m	kg	15.904	
50		Thép C12 SS400, CT38, CT42, L=6m, 9m, 12m	kg	15.954	
51		Thép C14 SS400, CT38, CT42, L=6m, 9m, 12m	kg	17.104	
52		Thép C15 SS400, CT38, CT42, L=6m, 9m, 12m	kg	18.260	
53		Thép C16 SS400, CT38, CT42, L=6m, 9m, 12m	kg	17.104	
54		Thép C18 SS400, CT38, CT42, L=6m, 9m, 12m	kg	17.654	
55		Thép I10 SS400, L=6m, 9m, 12m	kg	16.154	
56		Thép I12 SS400, L=6m, 9m, 12m	kg	16.104	
57		Thép I15 SS400, CT38, CT42, L=6m, 9m, 12m	kg	16.604	
		2 - Thép Hòa Phát			
58		D6 cuộn CB240-T	kg	13.591	QCVN07: 2019/BKHCN
59		D8 cuộn CB300-V	kg	13.591	
60		D12 cây gai CB300-V	kg	13.727	
61		D14 cây gai CB300-V	kg	13.727	
62		D16 cây gai GR40	kg	13.727	
63		D18 cây gai CB300-V	kg	13.727	
64		D20 cây gai B300-V	kg	13.727	
65		D22 cây gai CB300-V	kg	13.818	

		3 - Dây thép, đinh			
66		Dây thép đen các loại	kg	20.000	
67		Đinh các loại	kg	20.000	
		4 - Thép Việt Ý (Cty CP thép Việt Ý)			
68		Thép tròn trơn D6, D8 cuộn CB240T	kg	14.450	QCVN07: 2019/BKHCN TCVN1651- 1:2018 TCVN1651- 2:2018
69		Thép thanh vằn D10 CB300-V	kg	15.100	
70		Thép thanh vằn D10 CB400-V, CB500-V	kg	15.600	
71		Thép thanh vằn D12 CB300-V	kg	14.950	
72		Thép thanh vằn D12 CB400-V, CB500-V	kg	15.400	
73		Thép thanh vằn D13-D32 cây CB300-V	kg	14.950	
74		Thép thanh vằn D13-D32 CB400-V, CB500-V	kg	15.400	
75		Thép thanh vằn D36 CB400-V, CB500-V	kg	15.500	
76		Thép thanh vằn D40 CB400-V, CB500-V	kg	16.200	
		5 - Công ty CP tập đoàn VAS Nghi Sơn			
77		Thép cuộn D6 (CB240T)	kg	15.070	QCVN07: 2019/BKHCN TCVN1651- 1:2018 TCVN1651- 2:2018
78		Thép cuộn D8 (CB240T)	kg	15.070	
79		Thép cuộn D8 (CB300T)	kg	15.170	
80		Thép thanh vằn D10 (Gr40)	kg	15.370	
81		Thép thanh vằn D12 (CB300V)	kg	15.270	
82		Thép thanh vằn D14-D20 (CB300V/Gr40)	kg	15.120	
83		Thép thanh vằn D10 (CB400V/CB500V)	kg	15.470	
84		Thép thanh vằn D12 (CB400V/CB500V)	kg	15.370	
85		Thép thanh vằn D14-D32 (CB400V/CB500V)	kg	15.320	

BẢNG GIÁ VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐẾN HIỆN TRƯỜNG XÂY DỰNG KHU VỰC TRUNG TÂM CÁC HUYỆN, THÀNH PHỐ TỪ SƠN

Từ ngày 01 tháng 7 năm 2023 - Mức giá chưa bao gồm VAT
(Kèm theo Công bố số 07/2023/CBLS-XD-TC ngày 15/8/2023 của Liên Sở Xây dựng-Tài chính)

Đơn vị tính : đồng

Số TT	Danh mục vật liệu xây dựng	Đơn vị	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Thành phố Từ Sơn	Huyện Tiên Du	Huyện Yên Phong	Huyện Quế Võ	Huyện T. Thành	Huyện Gia Bình	Huyện Lương Tài
1	Cát (TCVN)									
1	Cát mịn cỡ hạt 0,7-1,4	m ³	QCVN16: 2019/BXD	180.666	181.013	188.513	177.110	173.560	177.138	180.846
2	Cát mịn cỡ hạt 1,5-2,0	m ³		190.666	191.013	198.513	187.110	183.560	187.138	190.846
3	Cát vàng ML>2	m ³		450.666	451.013	458.513	442.110	438.560	447.138	447.846
4	Cát san nền	m ³		170.666	171.013	178.513	162.110	158.560	166.978	167.846
2	Các loại Đá (TCVN)									
5	Đá dăm xanh (chọn) 1x2	m ³	QCVN16: 2019/BXD	304.201	304.737	315.222	298.085	293.594	298.121	300.897
6	Đá dăm xanh (chọn) 2x4	m ³		294.201	294.737	305.222	288.085	283.594	288.121	290.897
7	Đá dăm xanh (chọn) 4x6	m ³		284.201	284.737	295.222	278.085	273.594	278.121	280.897
8	Đá dăm cấp phối loại 1	m ³		264.201	264.737	269.950	258.085	258.594	258.121	260.897
9	Đá dăm cấp phối loại 2	m ³		254.201	254.737	259.950	248.085	248.594	248.121	250.897